

Q326C080502
(MTTN26011399.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 1/15

- Tên mẫu
Name of sample : MẪU NƯỚC SẠCH
Đơn vị cấp nước: Nhà máy nước Đồng Xoài - Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước
Vị trí lấy mẫu: Bể chứa Nhà máy nước Đồng Xoài - Ấp Thuận Hòa, xã Thuận Lợi, thành phố Đồng Nai
Thời gian lấy mẫu: 10h35 - 14/07/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng Whirl Pak / Container: plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03
- Niêm phong: niêm nhựa số KT363925 + KT363926 / Seal: plastic seal No. KT363925 + KT363926
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26011399 ngày 14/07/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26011399 dated 14/07/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 14/07/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 14/07/2026 - 21/07/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
Hẻm 807 đường Đồng Khởi, Khu phố 9, phường Tân Triều, Thành phố Đồng Nai
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 2/15

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.1	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Am d 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.2	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Am d 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.3	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.4	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.5	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15	Phù hợp (Đạt) Pass
7.6	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ No strange odor	-	Không có mùi lạ No strange odor ^(MT-0)	Phù hợp (Đạt) Pass
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,5	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 ^(MT-0)	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 3/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.9	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.10	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	1,0	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT ⁻⁰)	Phù hợp (Đạt) Pass
7.11	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.12	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.13	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02	Phù hợp (Đạt) Pass
7.14	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1,3	Phù hợp (Đạt) Pass
7.15	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4	Phù hợp (Đạt) Pass
7.16	Hàm lượng cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 4/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.17	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.18	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	7,2	-	250 hoặc 300	Phù hợp (Đạt) Pass
7.19	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.20	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.21	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	16,9	-	300	Phù hợp (Đạt) Pass
7.22	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.23	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.24	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	0,03	-	0,1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.25	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	1,43	-	200	Phù hợp (Đạt) Pass
7.26	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	0,09	-	0,2	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 5/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.27	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07	Phù hợp (Đạt) Pass
7.28	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03	11	Phù hợp (Đạt) Pass
7.29	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9	Phù hợp (Đạt) Pass
7.30	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,3	Phù hợp (Đạt) Pass
7.31	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04	Phù hợp (Đạt) Pass
7.32	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,6	-	250	Phù hợp (Đạt) Pass
7.33	Hàm lượng sunfua (S ²⁻) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2023	KPH	0,02	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.34	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001	Phù hợp (Đạt) Pass
7.35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	30,8	-	1.000	Phù hợp (Đạt) Pass
7.36	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 6/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.37	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000	Phù hợp (Đạt) Pass
7.38	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30	Phù hợp (Đạt) Pass
7.39	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50	Phù hợp (Đạt) Pass
7.40	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.41	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.42	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40	Phù hợp (Đạt) Pass
7.43	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8	Phù hợp (Đạt) Pass
7.44	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 7/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.45	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10	Phù hợp (Đạt) Pass
7.46	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300	Phù hợp (Đạt) Pass
7.47	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST 3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9	Phù hợp (Đạt) Pass
7.48	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.49	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700	Phù hợp (Đạt) Pass
7.50	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500	Phù hợp (Đạt) Pass
7.50.1	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-	-
7.50.2	Hàm lượng (m+p) xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-	-
7.51	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000	Phù hợp (Đạt) Pass
7.52	Hàm lượng monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 8/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.53	Hàm lượng tổng trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.53.1	1,2,3-trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-	-
7.53.2	1,2,4-trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-	-
7.53.3	1,3,5-trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-	-
7.54	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST 3 1224:2024	KPH	0,1	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.55	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4	Phù hợp (Đạt) Pass
7.56	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6	Phù hợp (Đạt) Pass

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 9/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.57	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.58	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dicloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40	Phù hợp (Đạt) Pass
7.59	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dicloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.60	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30	Phù hợp (Đạt) Pass
7.61	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90	Phù hợp (Đạt) Pass
7.62	Hàm lượng alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.63	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10	Phù hợp (Đạt) Pass
7.64	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 10/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.64.1	Atrazine <i>Atrazine</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-	-
7.64.2	Atrazine-desethyl <i>Atrazine-desethyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-	-
7.64.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl <i>Atrazine-desethyl-desisopropyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-	-
7.64.4	Atrazine-desisopropyl <i>Atrazine-desisopropyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-	-
7.65	Hàm lượng carbofuran <i>Carbofuran content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.66	Hàm lượng chlorpyrifos <i>Chlorpyrifos content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30	Phù hợp (Đạt) Pass
7.67	Hàm lượng chlordane <i>Chlordane content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.68	Hàm lượng chlorotoluron <i>Chlorotoluron content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30	Phù hợp (Đạt) Pass
7.69	Hàm lượng cyanazine <i>Cyanazine content</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 11/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.70	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.70.1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-	-
7.70.2	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-	-
7.70.3	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-	-
7.71	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop ((2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100	Phù hợp (Đạt) Pass
7.72	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9	Phù hợp (Đạt) Pass
7.73	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200	Phù hợp (Đạt) Pass
7.74	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phù k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

DM105-02-VN (HL: 07/07/2025)

Q326C080502
(MTTN26011399.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 12/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.75	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.76	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10	Phù hợp (Đạt) Pass
7.77	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.78	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	6	Phù hợp (Đạt) Pass
7.79	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.80	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.81	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.82	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.83	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20	Phù hợp (Đạt) Pass

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 13/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.84	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST 3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200	Phù hợp (Đạt) Pass
7.85	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10	Phù hợp (Đạt) Pass
7.86	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST 3 1225:2024	KPH	100	500	Phù hợp (Đạt) Pass
7.87	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	20	3.000	Phù hợp (Đạt) Pass
7.88	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	5,8	-	60	Phù hợp (Đạt) Pass
7.89	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	100	Phù hợp (Đạt) Pass
7.90	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	19,4	-	300	Phù hợp (Đạt) Pass
7.91	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	< 2 (LOQ)	0,7	100	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phù k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 14/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.92	Hàm lượng dibromoacetonitrile Dibromoacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	70	Phù hợp (Đạt) Pass
7.93	Hàm lượng dichloroacetonitrile Dichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	1,7	-	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.94	Hàm lượng trichloroacetonitrile Trichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.95	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.96	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	28,6	-	50	Phù hợp (Đạt) Pass
7.97	Hàm lượng acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	48,0	-	200	Phù hợp (Đạt) Pass
7.98	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.99	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1	Phù hợp (Đạt) Pass

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 15/15

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality

- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 14/07/2026. / Characteristics analyzed on site on 14/07/2026

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation

- KPH: Không phát hiện / Not detected

- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method

- (c): Kết quả " < 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result " < 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

(mx): Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$. Các chỉ tiêu không quy định hoặc không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Quy chuẩn không thực hiện nhận xét / (nx): In this report the test results and interpretation of conformity/non-conformity with the technical requirements of the reference document relate only to the sample tested at the request of the customer and provided by the customer. The laboratory has discussed and agreed with the customer on a decision rule (referring to ILAC_G8_09_2019) with a guard band $w = 0$. Criteria not specified or not meeting the technical requirements of the Standard will not be commented on.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

DM105-02-VILAS (HL - 07/07/2025)

Q326C080502
(MTTN26011399.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 1/15

- Tên mẫu**
Name of sample : **MẪU NƯỚC SẠCH**
Đơn vị cấp nước: Nhà máy nước Đồng Xoài - Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước
Vị trí lấy mẫu: Hộ: Nguyễn Thị Kim Loan - Tổ 4, ấp Thuận Hải, xã Thuận Lợi, thành phố Đồng Nai
Thời gian lấy mẫu: 10h50 - 14/07/2026
- Mô tả mẫu**
Description : **Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.**
- Dạng mẫu: lỏng / *Form:* liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng Whirl Pak / *Container:* plastic bottle, Whirl Pak bag
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample:* 5 L x 01 + 1 L x 03
- Niêm phong: niêm nhựa số KT363927 + KT363928 / *Seal:* plastic seal No. KT363927 + KT363928
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26011399 ngày 14/07/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26011399 dated 14/07/2026
- Số lượng mẫu**
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : 14/07/2026
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : 14/07/2026 - 21/07/2026
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**
Hẻm 807 đường Đồng Khởi, Khu phố 9, phường Tân Triều, Thành phố Đồng Nai
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326C080502
(MTTN26011399.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026
Trang/ Page: 2/15

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.1	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Am d 1:2016	< 1 ^(e)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.2	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Am d 1:2016	< 1 ^(e)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.3	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(e)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.4	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(e)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.5	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15	Phù hợp (Đạt) Pass
7.6	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ No strange odor	-	Không có mùi lạ No strange odor ^(MT-0)	Phù hợp (Đạt) Pass
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,5	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 ^(MT-0)	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

PM105.02.VII (HL: 07/07/2025)

Q326C080502
(MTTN26011399.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 3/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.9	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.10	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,9	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT ⁻⁰)	Phù hợp (Đạt) Pass
7.11	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.12	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.13	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02	Phù hợp (Đạt) Pass
7.14	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1,3	Phù hợp (Đạt) Pass
7.15	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4	Phù hợp (Đạt) Pass
7.16	Hàm lượng cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 4/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.17	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.18	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	7,3	-	250 hoặc 300	Phù hợp (Đạt) Pass
7.19	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.20	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.21	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	18,4	-	300	Phù hợp (Đạt) Pass
7.22	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.23	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.24	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	0,03	-	0,1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.25	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	1,44	-	200	Phù hợp (Đạt) Pass
7.26	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	0,08	-	0,2	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 5/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.27	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07	Phù hợp (Đạt) Pass
7.28	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03	11	Phù hợp (Đạt) Pass
7.29	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9	Phù hợp (Đạt) Pass
7.30	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,3	Phù hợp (Đạt) Pass
7.31	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04	Phù hợp (Đạt) Pass
7.32	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,5	-	250	Phù hợp (Đạt) Pass
7.33	Hàm lượng sunfua (S ²⁻) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2023	KPH	0,02	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.34	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001	Phù hợp (Đạt) Pass
7.35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	30,0	-	1.000	Phù hợp (Đạt) Pass
7.36	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

DM105.02.VII. (HL - 07/07/2025)

Q326C080502
(MTTN26011399.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 6/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.37	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000	Phù hợp (Đạt) Pass
7.38	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30	Phù hợp (Đạt) Pass
7.39	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50	Phù hợp (Đạt) Pass
7.40	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.41	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.42	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40	Phù hợp (Đạt) Pass
7.43	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8	Phù hợp (Đạt) Pass
7.44	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 7/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.45	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10	Phù hợp (Đạt) Pass
7.46	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300	Phù hợp (Đạt) Pass
7.47	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST 3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9	Phù hợp (Đạt) Pass
7.48	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.49	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700	Phù hợp (Đạt) Pass
7.50	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500	Phù hợp (Đạt) Pass
7.50.1	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-	-
7.50.2	Hàm lượng (m+p) xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-	-
7.51	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000	Phù hợp (Đạt) Pass
7.52	Hàm lượng monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 8/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.53	Hàm lượng tổng trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.53.1	1,2,3-trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-	-
7.53.2	1,2,4-trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-	-
7.53.3	1,3,5-trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-	-
7.54	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST 3 1224:2024	KPH	0,1	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.55	Hàm lượng epichlorhydrin Epichlorhydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4	Phù hợp (Đạt) Pass
7.56	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 9/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.57	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.58	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dichloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40	Phù hợp (Đạt) Pass
7.59	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dichloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.60	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30	Phù hợp (Đạt) Pass
7.61	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90	Phù hợp (Đạt) Pass
7.62	Hàm lượng alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.63	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10	Phù hợp (Đạt) Pass
7.64	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phù k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

DM105.02-VHL-07/07/2025

Q326C080502
(MTTN26011399.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 10/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.64.1	Atrazine <i>Atrazine</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-	-
7.64.2	Atrazine-desethyl <i>Atrazine-desethyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-	-
7.64.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl <i>Atrazine-desethyl-desisopropyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-	-
7.64.4	Atrazine-desisopropyl <i>Atrazine-desisopropyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-	-
7.65	Hàm lượng carbofuran <i>Carbofuran content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.66	Hàm lượng chlorpyrifos <i>Chlorpyrifos content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30	Phù hợp (Đạt) Pass
7.67	Hàm lượng chlordane <i>Chlordane content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.68	Hàm lượng chlorotoluron <i>Chlorotoluron content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30	Phù hợp (Đạt) Pass
7.69	Hàm lượng cyanazine <i>Cyanazine content</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phù k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

DM105-02-VII (HL: 07/07/2025)

Q326C080502
(MTTN26011399.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 11/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.70	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.70.1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-	-
7.70.2	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-	-
7.70.3	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-	-
7.71	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop (2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100	Phù hợp (Đạt) Pass
7.72	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9	Phù hợp (Đạt) Pass
7.73	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200	Phù hợp (Đạt) Pass
7.74	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

DM105.02-VN (HJ - 07/07/2025)

Q326C080502
(MTTN26011399.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 12/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.75	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.76	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10	Phù hợp (Đạt) Pass
7.77	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.78	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	6	Phù hợp (Đạt) Pass
7.79	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.80	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.81	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.82	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.83	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QATEST 3 at the email addresses dh.cs@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 13/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.84	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST 3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200	Phù hợp (Đạt) Pass
7.85	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10	Phù hợp (Đạt) Pass
7.86	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST 3 1225:2024	KPH	100	500	Phù hợp (Đạt) Pass
7.87	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	20	3.000	Phù hợp (Đạt) Pass
7.88	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	10,6	-	60	Phù hợp (Đạt) Pass
7.89	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	100	Phù hợp (Đạt) Pass
7.90	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	38,0	-	300	Phù hợp (Đạt) Pass
7.91	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	< 2 (LOQ)	0,7	100	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 14/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.92	Hàm lượng dibromoacetonitrile Dibromoacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	70	Phù hợp (Đạt) Pass
7.93	Hàm lượng dichloroacetonitrile Dichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	1,7	-	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.94	Hàm lượng trichloroacetonitrile Trichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.95	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.96	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	31,2	-	50	Phù hợp (Đạt) Pass
7.97	Hàm lượng acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	48,1	-	200	Phù hợp (Đạt) Pass
7.98	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.99	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.04)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 15/15

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 14/07/2026. / Characteristics analyzed on site on 14/07/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- (c): Kết quả " < 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result " < 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

(^{mx}): Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$. Các chỉ tiêu không quy định hoặc không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Quy chuẩn không thực hiện nhận xét / (^{mx}): In this report the test results and interpretation of conformity/non-conformity with the technical requirements of the reference document relate only to the sample tested at the request of the customer and provided by the customer. The laboratory has discussed and agreed with the customer on a decision rule (referring to ILAC_G8_09_2019) with a guard band $w = 0$. Criteria not specified or not meeting the technical requirements of the Standard will not be commented on.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 1/15

- Tên mẫu
Name of sample : MẪU NƯỚC SẠCH
Đơn vị cấp nước: Nhà máy nước Đồng Xoài - Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước
Vị trí lấy mẫu: Thuê cơ sở 10 thành phố Đồng Nai - 1192 Phú Riêng Đổ, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai
Thời gian lấy mẫu: 11h05 - 14/07/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng Whirl Pak / *Container: plastic bottle, Whirl Pak bag*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 1 L x 03 / *Unit/sample: 5 L x 01 + 1 L x 03*
- Niêm phong: niêm nhựa số KT363929 + KT363930 / *Seal: plastic seal No. KT363929 + KT363930*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26011399 ngày 14/07/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No MTTN26011399 dated 14/07/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 14/07/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 14/07/2026 - 21/07/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
Hẻm 807 đường Đồng Khởi, Khu phố 9, phường Tân Triều, Thành phố Đồng Nai
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C080502
(MTTN26011399.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 2/15

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method	
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.1	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Am d 1:2016	< 1 ^(e)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.2	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Am d 1:2016	< 1 ^(e)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.3	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(e)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.4	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(e)	-	< 1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.5	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15	Phù hợp (Đạt) Pass
7.6	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ No strange odor	-	Không có mùi lạ No strange odor ^(MT-0)	Phù hợp (Đạt) Pass
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,4	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 ^(MT-0)	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 3/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.9	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.10	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,9	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 ^(MT-0)	Phù hợp (Đạt) Pass
7.11	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.12	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.13	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02	Phù hợp (Đạt) Pass
7.14	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1,3	Phù hợp (Đạt) Pass
7.15	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4	Phù hợp (Đạt) Pass
7.16	Hàm lượng cadmi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 4/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.17	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01	Phù hợp (Đạt) Pass
7.18	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	7,4	-	250 hoặc 300	Phù hợp (Đạt) Pass
7.19	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.20	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.21	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	17,4	-	300	Phù hợp (Đạt) Pass
7.22	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.23	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.24	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	0,03	-	0,1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.25	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	1,44	-	200	Phù hợp (Đạt) Pass
7.26	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	0,08	-	0,2	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 5/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.27	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07	Phù hợp (Đạt) Pass
7.28	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03	11	Phù hợp (Đạt) Pass
7.29	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9	Phù hợp (Đạt) Pass
7.30	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	0,3	Phù hợp (Đạt) Pass
7.31	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04	Phù hợp (Đạt) Pass
7.32	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,5	-	250	Phù hợp (Đạt) Pass
7.33	Hàm lượng sunfua (S ²⁻) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2023	KPH	0,02	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass
7.34	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001	Phù hợp (Đạt) Pass
7.35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	29,8	-	1.000	Phù hợp (Đạt) Pass
7.36	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 6/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.37	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000	Phù hợp (Đạt) Pass
7.38	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	30	Phù hợp (Đạt) Pass
7.39	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50	Phù hợp (Đạt) Pass
7.40	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetra chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.41	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.42	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40	Phù hợp (Đạt) Pass
7.43	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8	Phù hợp (Đạt) Pass
7.44	Hàm lượng vinyl chloride Vinyl chloride content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

DM105-02-VH (HJ - 07/07/2025)

Q326C080502
(MTTN26011399.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 7/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.45	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10	Phù hợp (Đạt) Pass
7.46	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300	Phù hợp (Đạt) Pass
7.47	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QUATEST 3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9	Phù hợp (Đạt) Pass
7.48	Hàm lượng styrene Styrene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.49	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700	Phù hợp (Đạt) Pass
7.50	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500	Phù hợp (Đạt) Pass
7.50.1	Hàm lượng o-xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-	-
7.50.2	Hàm lượng (m+p) xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-	-
7.51	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000	Phù hợp (Đạt) Pass
7.52	Hàm lượng monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 8/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.53	Hàm lượng tổng trichlorobenzene Total Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.53.1	1,2,3-trichlorobenzene 1,2,3 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-	-
7.53.2	1,2,4-trichlorobenzene 1,2,4 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-	-
7.53.3	1,3,5-trichlorobenzene 1,3,5 Trichlorobenzene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-	-
7.54	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST 3 1224:2024	KPH	0,1	0,5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.55	Hàm lượng epichlorhydrin Epichlorhydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4	Phù hợp (Đạt) Pass
7.56	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 9/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.57	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.58	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dicloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40	Phù hợp (Đạt) Pass
7.59	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dicloropropen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.60	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30	Phù hợp (Đạt) Pass
7.61	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90	Phù hợp (Đạt) Pass
7.62	Hàm lượng alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.63	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10	Phù hợp (Đạt) Pass
7.64	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

DM105.02.VII (HL: 07/07/2025)

Q326C080502
(MTTN26011399.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 10/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.64.1	Atrazine <i>Atrazine</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-	-
7.64.2	Atrazine-desethyl <i>Atrazine-desethyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-	-
7.64.3	Atrazine-desethyl-desisopropyl <i>Atrazine-desethyl-desisopropyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-	-
7.64.4	Atrazine-desisopropyl <i>Atrazine-desisopropyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-	-
7.65	Hàm lượng carbofuran <i>Carbofuran content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5	Phù hợp (Đạt) Pass
7.66	Hàm lượng chlorpyrifos <i>Chlorpyrifos content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30	Phù hợp (Đạt) Pass
7.67	Hàm lượng chlordane <i>Chlordane content</i>	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.68	Hàm lượng chlorotoluron <i>Chlorotoluron content</i>	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30	Phù hợp (Đạt) Pass
7.69	Hàm lượng cyanazine <i>Cyanazine content</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C080502
(MTTN26011399.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 11/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.70	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.70.1	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-	-
7.70.2	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-	-
7.70.3	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-	-
7.71	Hàm lượng dichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop ((2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100	Phù hợp (Đạt) Pass
7.72	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9	Phù hợp (Đạt) Pass
7.73	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200	Phù hợp (Đạt) Pass
7.74	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 12/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.75	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.76	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10	Phù hợp (Đạt) Pass
7.77	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.78	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	6	Phù hợp (Đạt) Pass
7.79	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.80	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.81	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.82	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2	Phù hợp (Đạt) Pass
7.83	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 13/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.84	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST 3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200	Phù hợp (Đạt) Pass
7.85	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10	Phù hợp (Đạt) Pass
7.86	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST 3 1225:2024	KPH	100	500	Phù hợp (Đạt) Pass
7.87	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	20	3.000	Phù hợp (Đạt) Pass
7.88	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	12,8	-	60	Phù hợp (Đạt) Pass
7.89	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	100	Phù hợp (Đạt) Pass
7.90	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	47,6	-	300	Phù hợp (Đạt) Pass
7.91	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	< 2 (LOQ)	0,7	100	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 14/15

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level	Nhận xét (nx) Comment
7.92	Hàm lượng dibromoacetonitrile Dibromoacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	70	Phù hợp (Đạt) Pass
7.93	Hàm lượng dichloroacetonitrile Dichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	1,7	-	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.94	Hàm lượng trichloroacetonitrile Trichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.95	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20	Phù hợp (Đạt) Pass
7.96	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	30,2	-	50	Phù hợp (Đạt) Pass
7.97	Hàm lượng acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	47,8	-	200	Phù hợp (Đạt) Pass
7.98	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1	Phù hợp (Đạt) Pass
7.99	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1	Phù hợp (Đạt) Pass

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C080502
(MTTN26011399.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2026

Trang/ Page: 15/15

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 14/07/2026. / Characteristics analyzed on site on 14/07/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- (°): Kết quả " < 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result " < 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

(mx): Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$. Các chỉ tiêu không quy định hoặc không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Quy chuẩn không thực hiện nhận xét / (mx): In this report the test results and interpretation of conformity/non-conformity with the technical requirements of the reference document relate only to the sample tested at the request of the customer and provided by the customer. The laboratory has discussed and agreed with the customer on a decision rule (referring to ILAC_G8_09_2019) with a guard band $w = 0$. Criteria not specified or not meeting the technical requirements of the Standard will not be commented on.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.